

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
LCH KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

- 1. Tên hoạt động:** Sinh hoạt chủ điểm đợt 1 chủ đề “Sinh viên Tự nhiên khát vọng vươn mình”.
- 2. Thời gian tổ chức:** từ ngày 29/11/2025 đến ngày 27/12/2025 .
- 3. Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG–HCM.
- 4. Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Nhật Đăng – Liên chi Hội trưởng (SĐT liên hệ: 0949216448)

4. Danh sách sinh viên tham gia:

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa	Ghi chú
1	24150007	Phạm Lê Hoài Bảo	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
2	25150193	Lê Nhật My	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
3	25150041	Nguyễn Hữu Đăng Khoa	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
4	24260037	Nguyễn Thị Hồng Loan	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
5	25280009	Phạm Nguyên Mai Anh	Toán - Tin học	
6	25280052	Đặng Huỳnh Khánh Vy	Toán - Tin học	
7	25280029	Tô Nguyễn Thảo Ngọc	Toán - Tin học	
8	25280003	Trương Hồ Minh Thuận	Toán - Tin học	
9	25140138	Hoàng Thủy Tiên	Hóa học	
10	24260049	Đặng Tấn Phước	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
11	25140117	Trần Ngọc Ngân	Hóa học	
12	24260059	Trương Quang Thuận	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
13	23190128	Huỳnh Ngọc Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
14	25120429	Tô Phước Sang	Công nghệ thông tin	
15	23150218	Thái Mai Văn Hùng	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	

16	24120199	Trịnh Kim Mai	Công nghệ thông tin	
17	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	Toán - Tin học	
18	25110171	Lương Tuệ Tâm	Toán - Tin học	
19	24200029	Huỳnh Tấn Phong	Điện tử - Viễn thông	
20	24260062	Dương Thành Trọng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
21	25250107	Trần Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
22	24260042	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
23	25190100	Lâm Minh Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
24	25260033	Cao Ngọc Như	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
25	24200185	Lê Mạnh Thanh Thùy	Điện tử - Viễn thông	
26	24260054	Lê Khắc Tùng Sinh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
27	24260057	Trương Ngọc Bích Thảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
28	24260060	Vũ Lê Đình Tiến	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
29	24260064	Nguyễn Ngọc Tú	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
30	24260037	Nguyễn Thị Hồng Loan	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
31	25210022	Nguyễn Phương Nguyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
32	25130275	Đào Minh Tuấn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
33	25130002	Hoàng Trần Khánh Phong	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
34	25130264	Từ Long Thuận	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
35	25130273	Lê Quốc Trung	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
36	25130278	Đỗ Hoàng Yên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
37	25130131	Cao Quỳnh Giao	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

38	25130149	Nguyễn Quang Sơn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
39	25210050	Đặng Thị Ngọc Trinh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
40	25130241	Huỳnh Văn Nhân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
41	25130044	Trương Gia Huân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
42	25210054	Võ Ngọc Khánh Vy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
43	25130192	Lê Bá Hiệu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
44	25210017	Trương Lê Thúy Liễu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
45	25130008	Nguyễn Tấn Cao Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
46	25130124	Lương Gia Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
47	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
48	25210051	Đoàn Trần Cẩm Uyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
49	25130083	Phan Vũ Tuệ Như	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
50	25210036	Nguyễn Lê Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
51	25130058	Trần Gia Khiêm	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
52	25130230	Nguyễn Lương Nhật Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
53	25210040	Trịnh Thị Kiều My	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
54	25130225	Hoàng Long	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
55	25210038	Lê Nguyễn Phụng Linh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
56	25130006	Nguyễn Đại Phát Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
57	25210049	Phạm Thanh Thảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
58	25130087	Bùi Hoàng Gia Phúc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

59	25130126	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
60	25130142	Nguyễn Đại Nghĩa	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
61	25130199	Tô Việt Hùng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
62	25130125	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
63	25130232	Trịnh Quốc Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
64	25130152	Trương Thị Thiên Phước	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
65	25130166	Bùi Mạnh Cường	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
66	25130211	Huỳnh Lê Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
67	25130210	Huỳnh Gia Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
68	25130130	Đặng Ngọc Mỹ Duyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
69	25210029	Đặng Nguyễn Cát Tường	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
70	25210043	Phan Tố Như	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
71	25210025	Bùi Vũ Minh Quân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
72	25130132	Võ Minh Hào	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
73	25130118	Phạm Nguyễn Nguyên Vũ	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
74	25130178	Đào Duy Đôn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
75	25130259	Trương Phú Gia Thiện	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
76	25130173	Lê Phúc Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
77	25130261	Tôn Long Hữu Thời	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
78	25130045	Nguyễn Duy Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
79	25130245	Lê Quang Anh Quân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

80	25130206	Nguyễn Tấn Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
81	25130148	Trần Ngọc Như Quỳnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
82	25130071	Hồ Minh Long	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
83	25130134	Trần Huy Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
84	25130112	Nguyễn Tuấn Tú	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
85	25130263	Trần Văn Thuận	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
86	25130019	Trần Lê Xuân Bách	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
87	25130236	Dương Hồ Bảo Ngọc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
88	25130271	Cao Trung Trực	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
89	25130195	Văn Công Huân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
90	25130057	Ngô Trần Kim Khánh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
91	25130100	Trần Ngọc Thành	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
92	25130023	Nguyễn Lê Bảo Châu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
93	25130190	Phan Nguyễn Lập Hữu Hiếu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
94	25130184	Trần Bá Duy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
95	25130069	Hà Tôn Hữu Lợi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
96	25130197	Nguyễn Huy Hùng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
97	25130046	Nguyễn Quang Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
98	25130105	Đỗ Anh Thư	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
99	25130104	Trần Gia Thịnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
100	25130179	Hòa Minh Đức	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

101	25130024	Vũ Gia Bảo Châu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
102	25130270	Nguyễn Vũ Quang Triết	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
103	25130014	Hoàng Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
104	25130122	Trần Thị Hải Yến	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
105	25130095	Lê Minh Thái	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
106	25130193	Cao Vy Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
107	25130032	Dương Mỹ Hà	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
108	25130153	Nguyễn Văn Thắng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
109	25130123	Phạm Hoàng Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
110	25130061	Hà Phạm Nguyên Khôi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
111	25130200	Cao Khả Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
112	25130117	Lê Đặng Quốc Việt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
113	25130102	Nguyễn Quốc Thịnh Thiên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
114	25130080	Hồ Nguyễn Tâm Nhi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
115	25130135	Phạm Quang Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
116	25130065	Trần Phạm Duy Kiên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
117	25260042	Bùi Trần Gia Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
118	25260006	Nguyễn Thùy Dương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
119	25260026	Huỳnh Ngọc Gia Tịnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
120	25260036	Nguyễn Vi Cầm	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
121	25260034	Võ Trịnh Hồng Phúc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

122	25230007	Phan Tuấn Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
123	25230004	Trần Gia Hân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
124	25260003	Trần Nguyễn Văn Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
125	25130262	Phan Ngọc Huệ Thư	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
126	25130267	Phan Thị Thùy Trang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
127	25260047	Nguyễn Trần Như Ngọc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
128	25130226	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
129	25130162	Lê Thị Ánh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
130	25130081	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
131	25130120	Võ Thụy Thúy Vy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
132	25130021	Bạch Khánh Băng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
133	25130214	Võ Hoàng Anh Khoa	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
134	25130172	Trần Mai Hồng Đào	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
135	25130043	Nguyễn Minh Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
136	25130222	Trần Đào Phương Lam	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
137	25130265	Huỳnh Thái Toàn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
138	25130151	Lê Kiên Trung	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
139	25130053	Hoàng Gia Khải	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
140	25260024	Trần Nguyễn Anh Thư	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
141	25260028	Nguyễn Dương Minh Tuyền	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
142	25260033	Cao Ngọc Như	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

143	25130256	Nguyễn Thái Tấn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
144	25130253	Trần Thanh Sơn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
145	25130172	Trần Mai Hồng Đào	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
146	25260032	Lâm Khải Hoàn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
147	25260021	Đinh Nhật Phương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
148	25260039	Trần Gia Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
149	25260010	Bành Vĩnh Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
150	25130127	Đặng Tấn Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
151	25230012	Huỳnh Trung Nghĩa	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
152	25230038	Nguyễn Ngọc Hiếu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
153	25230040	Nguyễn Vũ Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
154	25230020	Nguyễn Đức Thái	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
155	25230051	Hỷ Phú Vinh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
156	25130219	Lê Ngọc Anh Kiệt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
157	25130158	Lê Tử Nhật Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
158	25130274	Trần Quang Trung	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
159	25130243	Phan Minh Nhật	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
160	25130212	Trịnh Gia Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
161	25130168	Nguyễn Cường	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
162	25130174	Phạm Thế Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
163	25130160	Nguyễn Quang Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

164	25130247	Nguyễn Hữu Minh Quân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
165	25130048	K' Hoàng Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
166	25130106	Huỳnh Bảo Thuận	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
167	25130025	Nguyễn Lê Minh Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
168	25130072	Nguyễn Đức Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
169	25130164	Lê Hoàng Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
170	25130020	Trịnh Doãn Bách	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
171	25130003	Đặng Hữu Thịnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
172	25130026	Trang Thành Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
173	25130111	Nguyễn Thành Trí	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
174	25130218	Võ Quốc Kiên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
175	25130215	Nguyễn Phúc Anh Khôi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
176	25130086	Bùi Việt Phú	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
177	25130092	Phan Đăng Quang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
178	25130049	Phan Nhật Minh Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
179	25130227	Lê Thanh Mẫn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
180	25130229	Đinh Như Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
181	25130250	Nguyễn Tiến Quốc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
182	25130228	Phan Duy Mạnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
183	25130063	Thạch Minh Khôi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
184	25130054	Huỳnh Quốc Vĩnh Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

185	25130143	Nguyễn Đình Nguyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
186	25130005	Trần Quang Đại	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
187	25130248	Nguyễn Lê Hữu Quân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
188	25130194	Lê Tăng Kim Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
189	25130244	Trần Thành Nguyên Phúc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
190	25260049	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
191	25260031	Đặng Ngọc Lan Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
192	25260035	Hồ Mai Phương Quỳnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
193	25260012	Vũ Mai Khanh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
194	25260002	Phạm Nhật Hoàng Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	
195	25130140	Lê Ngọc Thảo My	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật	

Danh sách gồm có **195** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2026

**TM. LIÊN CHI HỘI KHOA VẬT LÝ VẬT
LÝ KỸ THUẬT
LIÊN CHI HỘI TRƯỞNG**

Nguyễn Nhật Đăng

NGƯỜI LẬP BẢNG

Âu Trí Viễn